TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. "Có mặt".

Bị đơn: Anh N, sinh năm 1972; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N có đăng ký kết hôn ngày 16/3/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N hay uống rượu rồi đánh, chửi chị L. Chị L, gia đình, bạn bè và hàng xóm đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn, đến khoảng tháng 4 năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ đó

đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có bốn con chung là cháu H, sinh năm 1996; cháu T, sinh năm 1997; cháu L, sinh ngày 13/8/2007; cháu Q, sinh ngày 26/11/2010. Cháu H và cháu T đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu L và cháu Q. Không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến gì gửi Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị L; về con chung vợ chồng có 04 cháu, Nguyễn Anh Hoa, sinh năm 1996; cháu T, sinh năm 1997 hai cháu đã thành niên nên không phải giải quyết, giao cháu Nguyễn Thị Cẩm Ly, sinh ngày 13/8/2007 cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu Q, sinh ngày 26/11/2010 cho anh N nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản không phải giải quyết; về án phí chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị L có đơn yêu cầu ly hôn với anh N có ĐKHKTT và nơi cư trú là xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đến khoảng tháng 4 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Theo kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng, vợ chồng chị L và anh N có mâu thuẫn, bất hòa, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu H, sinh năm 1996; cháu T, sinh năm 1997 hai cháu đã thành niên nên không phải giải quyết; cháu L, sinh ngày 13/8/2007; cháu Q, sinh ngày 26/11/2010. Xét nguyện vọng của cháu L là muốn ở với mẹ và nguyện vọng của chị L là được nuôi dưỡng cháu L nên chấp nhận yêu cầu này còn cháu Q sẽ giao cho anh N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do anh chị mỗi người nuôi một cháu nên không phải cấp dưỡng nuôi con là hợp lý.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 13/8/2007 cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Q, sinh ngày 26/11/2010 cho anh N nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh chị cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0003759 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Quang